

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**QUÝ I CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2019**

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

## **MỤC LỤC**

|  | <b>Trang</b>   |
|--|----------------|
| <b>1. Mục lục</b>  | <b>1</b>       |
| <b>2. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 03 năm 2019</b>  | <b>2 - 5</b>   |
| <b>3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b> | <b>6 - 9</b>   |
| <b>4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>           | <b>10 - 11</b> |
| <b>5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>    | <b>12 - 34</b> |

\*\*\*\*\*

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN                                       |  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ               | Số đầu năm               |
|---|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   |  | <b>100</b> |             | <b>5,715,242,865,964</b> | <b>5,031,364,159,280</b> |
| <b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>   |  | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>199,682,454,899</b>   | <b>122,447,618,654</b>   |
| 1 Tiền  |  | 111        |             | 199,682,454,899          | 122,447,618,654          |
| 2 Các khoản tương đương tiền                  |  | 112        |             | -                        | -                        |
| <b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b> |  | <b>120</b> | <b>V.2</b>  | <b>2,929,944,589,967</b> | <b>2,763,903,711,798</b> |
| 1 Chứng khoán kinh doanh                      |  | 121        | V.2a        | 468,696,320,956          | 599,508,668,818          |
| 2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn           |  | 122        | V.2a        | (95,322,694,753)         | (76,375,920,784)         |
| 3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn             |  | 123        | V.2a        | 2,556,570,963,764        | 2,240,770,963,764        |
| <b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>        |  | <b>130</b> |             | <b>972,627,815,947</b>   | <b>812,574,066,806</b>   |
| 1 Phải thu khách hàng                         |  | 131        |             | 576,135,790,461          | 540,132,640,419          |
| 1.1 Phải thu về hợp đồng bảo hiểm             |  | 131.1      | V.3         | 576,135,790,461          | 540,132,640,419          |
| 1.2 Phải thu khác của khách hàng              |  | 131.2      |             | -                        | -                        |
| 2 Trả trước cho người bán                     |  | 132        | V.4         | 157,231,968,372          | 132,845,628,635          |
| 3 Phải thu nội bộ ngắn hạn                    |  | 133        |             | -                        | -                        |
| 4 Các khoản phải thu khác                     |  | 136        | V.5         | 290,100,477,843          | 197,672,464,560          |
| 5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi          |  | 137        | V.6         | (50,840,420,729)         | (58,076,666,808)         |
| <b>IV Hàng tồn kho</b>                        |  | <b>140</b> | <b>V.7</b>  | <b>4,457,024,325</b>     | <b>2,950,659,956</b>     |
| 1 Hàng tồn kho                                |  | 141        |             | 4,457,024,325            | 2,950,659,956            |
| 2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho              |  | 149        |             | -                        | -                        |
| <b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>                |  | <b>150</b> |             | <b>286,515,154,014</b>   | <b>249,584,522,742</b>   |
| 1 Chi phí trả trước ngắn hạn                  |  | 151        | V.8a        | 276,561,164,980          | 233,818,982,495          |
| 1.1 Chi phí hoa hồng chưa phân bổ             |  | 151.1      | V.8a        | 275,658,904,316          | 233,777,609,509          |
| 1.2 Chi phí trả trước ngắn hạn khác           |  | 151.2      |             | 902,260,664              | 41,372,986               |
| 2 Thuế GTGT được khấu trừ                     |  | 152        |             | 5,842,759,152            | 4,267,605,535            |
| 3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước    |  | 153        | V.9         | 4,111,229,882            | 11,497,934,712           |
| 4 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ  |  | 154        |             | -                        | -                        |
| 5 Tài sản ngắn hạn khác                       |  | 155        |             | -                        | -                        |
| <b>VIII Tài sản tái bảo hiểm</b>              |  | <b>190</b> |             | <b>1,322,015,826,812</b> | <b>1,079,903,579,324</b> |
| 1 Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm            |  | 191        | V.18a       | 938,554,042,081          | 732,477,619,828          |
| 2 Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm     |  | 192        | V.18a       | 383,461,784,731          | 347,425,959,496          |

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

| TÀI SẢN                  |  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ               | Số đầu năm               |
|--------------------------|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>B -</b>               | <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>944,948,333,310</b>   | <b>1,016,416,752,906</b> |
| <b>I</b>                 | <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | <b>19,415,309,949</b>    | <b>18,781,477,023</b>    |
| 1                        | Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                        | -                        |
| 2                        | Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                        | -                        |
| 3                        | Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc'      | 213        |             | -                        | -                        |
| 4                        | Phải thu dài hạn nội bộ                      | 214        |             | -                        | -                        |
| 5                        | Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                        | -                        |
| 6                        | Phải thu dài hạn khác                        | 216        |             | 19,415,309,949           | 18,781,477,023           |
| 6.1                      | Ký quỹ bảo hiểm                              | 216.1      |             | 10,285,806,950           | 10,280,000,000           |
| 6.2                      | Phải thu dài hạn khác                        | 216.2      |             | 9,129,502,999            | 8,501,477,023            |
| 7                        | Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)        | 219        |             | -                        | -                        |
| <b>II</b>                | <b>Tài sản cố định</b>                       | <b>220</b> |             | <b>81,905,735,750</b>    | <b>79,772,791,835</b>    |
| 1                        | Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.10        | 73,865,566,344           | 71,200,256,723           |
|                          | Nguyên giá                                   | 222        |             | 154,904,797,380          | 149,336,289,198          |
|                          | Giá trị hao mòn lũy kế                       | 223        |             | (81,039,231,036)         | (78,136,032,475)         |
| 2                        | Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                        | -                        |
|                          | Nguyên giá                                   | 225        |             | -                        | -                        |
|                          | Giá trị hao mòn lũy kế                       | 226        |             | -                        | -                        |
| 3                        | Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.11        | 8,040,169,406            | 8,572,535,112            |
|                          | Nguyên giá                                   | 228        |             | 16,515,092,486           | 16,515,092,486           |
|                          | Giá trị hao mòn lũy kế                       | 229        |             | (8,474,923,080)          | (7,942,557,374)          |
| 4                        | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 230        |             | -                        | -                        |
| <b>III</b>               | <b>Bất động sản đầu tư</b>                   | <b>230</b> | V.12        | <b>113,740,923,549</b>   | <b>114,494,403,529</b>   |
|                          | Nguyên giá                                   | 231        |             | 122,642,128,702          | 122,642,128,702          |
|                          | Giá trị hao mòn lũy kế                       | 232        |             | (8,901,205,153)          | (8,147,725,173)          |
| <b>IV.</b>               | <b>Tài sản dở dang dài hạn</b>               | <b>240</b> |             | <b>19,282,812,000</b>    | <b>8,327,322,000</b>     |
| 1                        | Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                        | -                        |
| 2                        | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        | V.13        | 19,282,812,000           | 8,327,322,000            |
| <b>III</b>               | <b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>    | <b>250</b> |             | <b>677,668,442,153</b>   | <b>759,994,764,850</b>   |
| 1                        | Đầu tư vào công ty con                       | 251        | V.2b        | 31,500,000,000           | 31,500,000,000           |
| 2                        | Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh      | 252        | V.2b        | 122,644,900,000          | 122,644,900,000          |
| 3                        | Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        | V.2b        | 148,878,145,458          | 155,759,412,685          |
| 4                        | Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn   | 254        | V.2c        | (51,190,060,066)         | (86,649,020,878)         |
| 5                        | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        | V.2a        | 425,835,456,761          | 536,739,473,043          |
| <b>VI</b>                | <b>Tài sản dài hạn khác</b>                  | <b>260</b> |             | <b>32,935,109,909</b>    | <b>35,045,993,669</b>    |
| 1                        | Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.8b        | 32,935,109,909           | 35,045,993,669           |
| 2                        | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                        | -                        |
| 3                        | Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                        | -                        |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> |  | <b>270</b> |             | <b>6,660,191,199,274</b> | <b>6,047,780,912,186</b> |

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

| NGUỒN VỐN              |   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ               | Số đầu năm               |
|------------------------|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b> |   | <b>300</b> |             | <b>4,819,405,619,964</b> | <b>4,243,486,345,251</b> |
| <b>I Nợ ngắn hạn</b>   |   | <b>310</b> |             | <b>4,817,904,177,578</b> | <b>4,241,984,902,865</b> |
| 1                      | Vay và nợ ngắn hạn                                    | 311        |             | -                        |                          |
| 1                      | Phải trả người bán ngắn hạn                           | 311        | V.14        | 618,904,017,873          | 502,351,802,968          |
| 1.1                    | Phải trả về hợp đồng bảo hiểm                         | 311.1      |             | 615,089,121,451          | 495,355,369,813          |
| 1.2                    | Phải trả khác cho người bán                           | 311.2      |             | 3,814,896,422            | 6,996,433,155            |
| 2                      | Người mua trả tiền trước                              | 312        | V.15        | 7,215,479,331            | 10,264,056,614           |
| 3                      | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                   | 313        | V.16        | 28,260,006,789           | 28,309,392,070           |
| 4                      | Phải trả người lao động                               | 314        |             | 31,033,939,677           | 6,416,542,676            |
| 5                      | Chi phí phải trả ngắn hạn                             | 315        |             | 45,765,502               | 4,161,366,528            |
| 6                      | Phải trả nội bộ                                       | 316        |             |                          |                          |
| 6                      | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                     | 318.1      |             | 62,117,923,698           | 102,451,079,528          |
| 7                      | Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng                    | 318.2      |             | 219,146,854,749          | 155,855,656,519          |
| 8                      | Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác            | 319        | V.17        | 110,690,028,539          | 101,645,833,066          |
| 9                      | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn                     | 320        |             | 170,328,917,531          | 120,860,329,602          |
| 10                     | Dự phòng phải trả ngắn hạn                            | 321        |             | 70,000,000,000           | 70,000,000,000           |
| 11                     | Quỹ khen thưởng, phúc lợi                             | 322        |             | -                        |                          |
| 12                     | Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ            | 327        |             | -                        |                          |
| 13                     | Dự phòng nghiệp vụ                                    | 329        | V.18        | 3,500,161,243,889        | 3,139,668,843,294        |
| 13.1                   | Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm        | 329.1      | V.18a       | 2,464,639,254,994        | 2,144,592,205,609        |
| 13.2                   | Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm | 329.2      | V.18a       | 929,185,748,126          | 896,915,750,913          |
| 13.3                   | Dự phòng giao động lớn                                | 329.3      | V.18b       | 106,336,240,769          | 98,160,886,772           |
| <b>II Nợ dài hạn</b>   |   | <b>330</b> |             | <b>1,501,442,386</b>     | <b>1,501,442,386</b>     |
| 1                      | Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                      | 336        |             | -                        | -                        |
| 2                      | Phải trả dài hạn nội bộ                               | 332        |             | -                        | -                        |
| 3                      | Phải trả dài hạn khác                                 | 337        | V.19        | 1,501,442,386            | 1,501,442,386            |
| 4                      | Vay và nợ dài hạn                                     | 334        |             | -                        | -                        |
| 5                      | Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                       | 335        |             | -                        | -                        |
| 6                      | Dự phòng trợ cấp mất việc làm                         | 336        |             | -                        | -                        |
| 7                      | Dự phòng phải trả dài hạn                             | 337        |             | -                        | -                        |
| 8                      | Doanh thu chưa thực hiện                              | 338        |             | -                        | -                        |
| 9                      | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ                  | 339        |             | -                        | -                        |

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

| NGUỒN VỐN                                      |  | Mã số           | Số cuối kỳ               | Số đầu năm               |
|--|--|-----------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                |  | <b>400</b>      | <b>1,840,785,579,310</b> | <b>1,804,294,566,935</b> |
| <b>I Vốn chủ sở hữu</b>                        |  | <b>410 V.20</b> | <b>1,840,785,579,310</b> | <b>1,804,294,566,935</b> |
| 1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu                    |  | 411             | 803,957,090,000          | 803,957,090,000          |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       |  | 411a            | 803,957,090,000          | 803,957,090,000          |
| - Cổ phiếu ưu đãi                              |  | 411b            | -                        | -                        |
| 2 Thặng dư vốn cổ phần                         |  | 412             | 827,943,052,804          | 827,943,052,804          |
| 3 Vốn khác của chủ sở hữu                      |  | 413             | -                        | -                        |
| 4 Cổ phiếu quỹ                                 |  | 414             | -                        | -                        |
| 5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản              |  | 415             | -                        | -                        |
| 6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái                   |  | 416             | -                        | -                        |
| 3 Quỹ đầu tư phát triển                        |  | 418             | 22,230,714,262           | 22,230,714,262           |
| 4 Quỹ dự trữ bắt buộc                          |  | 419             | 49,884,763,553           | 49,884,763,553           |
| 5 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                |  | 420             | -                        | -                        |
| 6 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối            |  | 421             | 136,769,958,691          | 100,278,946,316          |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước |  | 421a            | 100,278,725,317          | 81,931,286,781           |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                   |  | 421b            | 36,491,233,374           | 18,347,659,535           |
| <b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>           |  | <b>430</b>      |                          |                          |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                     |  | <b>440</b>      | <b>6,660,191,199,274</b> | <b>6,047,780,912,186</b> |

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)****CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

| CHỈ TIÊU                                      | Thuyết minh | Số cuối kỳ      | Số đầu năm      |
|---|-------------|-----------------|-----------------|
| 1 Tài sản thuê ngoài                          |             | -               | -               |
| 2 Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công |             | -               | -               |
| 3 Nợ khó đòi đã xử lý                         |             | 32,618,415,318  | -               |
| 2 Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh        |             | 213,376,854,353 | 213,376,854,353 |
| 3 Ngoại tệ các loại:                          |             | -               | -               |
| Dollar Mỹ (USD)                               |             | 5,404.24        | 10,715.45       |
| Euro (EUR)                                    |             | 28,164.46       | 28,167.19       |
| Bảng Anh (£)                                  |             | 332.98          | 334.63          |

Lập, ngày 28 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu



Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền



Bùi Xuân Thu

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

(Đơn vị: đồng)

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### PHẦN I - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

| CHỈ TIÊU   | Mã Thuyết số minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                 |
|--|-------------------|-----------------------------------|-----------------|
|  |                   | Quý I.2019                        | Quý I.2018      |
| 1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm                         | 10                | 869,870,932,007                   | 691,369,650,076 |
| 2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư                              | 11                | 1,580,584,779                     | 780,794,074     |
| 3. Doanh thu hoạt động tài chính   | 12                | 48,721,045,022                    | 90,191,372,023  |
| 4. Thu nhập khác   | 13                | 190,281,613                       | 126,330,379     |
| 5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm                            | 20                | 620,665,400,088                   | 506,536,604,830 |
| 6. Giá vốn bất động sản đầu tư   | 21                | 753,479,980                       | 767,913,267     |
| 7. Chi phí hoạt động tài chính   | 22                | 31,242,122,222                    | 54,608,180,434  |
| 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp  | 23                | 221,978,659,678                   | 181,758,526,274 |
| 9. Chi phí khác  | 24                | 109,139,736                       | 58,162,133      |
| 10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế<br>(50=10+11+12+13-20-21-22-23-24) | 50                | 45,614,041,717                    | 38,738,759,614  |
| 11. Chi phí thuế TNDN hiện hành  | 51                | 9,122,808,343                     | 7,747,751,923   |
| 12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại   | 52                |                                   |                 |
| 13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp<br>(60=50-51-52)            | 60                | 36,491,233,374                    | 30,991,007,690  |
| 14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu   | 70                | VI.7                              |                 |

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**  
 Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

(Đơn vị: VND)

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**PHẦN II - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG**

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND                  |                        |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|------------------------|
|  |           |             | Quý I.2019                        | Quý I.2018             |
|  |           |             | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | Năm trước              |
| <b>1. Doanh thu phí bảo hiểm</b>   | <b>01</b> | <b>VI.1</b> | <b>911,979,151,204</b>            | <b>911,979,151,204</b> |
| - Phí bảo hiểm gốc   | 01.1      |             | 935,980,777,303                   | 935,980,777,303        |
| - Phí nhận tái bảo hiểm  | 01.2      |             | 23,831,162,014                    | 23,831,162,014         |
| - Tặng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm                           | 01.3      |             | 47,832,788,113                    | 47,832,788,113         |
| <b>2. Phí nhượng tái bảo hiểm</b>  | <b>02</b> |             | <b>347,399,595,676</b>            | <b>347,399,595,676</b> |
| - Tổng phí nhượng tái bảo hiểm   | 02.1      |             | 347,399,595,676                   | 347,399,595,676        |
| - Tặng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm   | 02.2      |             | -                                 | -                      |
| <b>3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)</b>                                      | <b>03</b> |             | <b>564,579,555,528</b>            | <b>564,579,555,528</b> |
| <b>4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b> | <b>04</b> |             | <b>126,790,094,548</b>            | <b>126,790,094,548</b> |
| - Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm   | 04.1      |             | 77,932,894,599                    | 77,932,894,599         |
| - Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm   | 04.2      |             | 48,857,199,949                    | 48,857,199,949         |
| <b>5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)</b>                     | <b>10</b> |             | <b>691,369,650,076</b>            | <b>691,369,650,076</b> |
| <b>6. Chi bồi thường</b>   | <b>11</b> |             | <b>367,449,095,418</b>            | <b>367,449,095,418</b> |
| - Tổng chi bồi thường  | 11.1      |             | 368,824,055,871                   | 368,824,055,871        |
| - Các khoản giảm trừ (thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%) | 11.2      |             | 1,374,960,453                     | 1,374,960,453          |
| <b>7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>   | <b>12</b> |             | <b>87,333,682,040</b>             | <b>87,333,682,040</b>  |



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                  |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|------------------|
|  |       |             | Quý I.2019                        | Quý I.2018       |
|  |       |             | Năm nay                           | Năm trước        |
| 8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm | 13    |             | 32,269,997,213                    | (15,918,334,683) |
| 9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm               | 14    |             | 36,035,825,234                    | 60,665,827,081   |
| 10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)                    | 15    |             | 297,394,864,731                   | 241,932,638,554  |
| 11. Tăng (giảm) dự phòng giao động lớn                               | 16    |             | 8,175,353,997                     | 6,124,072,709    |
| 12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm                       | 17    |             | 315,095,181,360                   | 258,479,893,567  |
| - Chi hoa hồng bảo hiểm  | 17.1  |             | 78,203,036,882                    | 61,806,917,689   |
| - Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm                         | 17.2  |             | 236,892,144,478                   | 196,672,975,878  |
| 13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)         | 18    |             | 620,665,400,088                   | 506,536,604,830  |
| 14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)           | 19    |             | 249,205,531,919                   | 184,833,045,246  |
| 15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư                         | 20    | VI.2        | 1,580,584,779                     | 780,794,074      |
| 16. Giá vốn bất động sản đầu tư                                      | 21    | VI.4        | 753,479,980                       | 767,913,267      |
| 17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22=21-20)            | 22    |             | 827,104,799                       | 12,880,807       |
| 18. Doanh thu hoạt động tài chính                                    | 23    | VI.3        | 48,721,045,022                    | 90,191,372,023   |
| 19. Chi phí hoạt động tài chính                                      | 24    | VI.5        | 31,242,122,222                    | 54,608,180,434   |
| 20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)                     | 25    |             | 17,478,922,800                    | 35,583,191,589   |
| 21. Chi phí quản lý doanh nghiệp                                     | 26    | VI.6        | 221,978,659,678                   | 181,758,526,274  |
| 22. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh (30=19+22+25-26)            | 30    |             | 45,532,899,840                    | 38,670,591,368   |

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|----------------|
|  |       |             | Quý I.2019                        | Quý I.2018     |
|  |       |             | Năm nay                           | Năm trước      |
| 23. Thu nhập khác                                | 31    |             | 190,281,613                       | 126,330,379    |
| 24. Chi phí khác                                 | 32    |             | 109,139,736                       | 58,162,133     |
| 25. Lợi nhuận khác (40=31-32)                    | 40    |             | 81,141,877                        | 68,168,246     |
| 26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50    |             | 45,614,041,717                    | 38,738,759,614 |
| 27. Chi phí thuế TNDN hiện hành                  | 51    |             | 9,122,808,343                     | 7,747,751,923  |
| 28. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                   | 52    |             | -                                 | -              |
| 29. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)  | 60    |             | 36,491,233,374                    | 30,991,007,691 |
| 30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                     | 70    | VI.7        |                                   |                |

Lập, ngày 28 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền



Bùi Xuân Thu

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I năm 2019

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số     | Thuyết minh | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                          |
|---|-----------|-------------|-----------------------------------|--------------------------|
|   |           |             | Năm nay                           | Năm trước                |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                               |           |             |                                   |                          |
| 1. Lợi nhuận trước thuế   | 01        |             | 45,614,041,717                    | 38,738,759,614           |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:  |           |             |                                   |                          |
| - Khấu hao tài sản cố định  | 02        |             | 4,189,044,247                     | 4,172,731,606            |
| - Các khoản dự phòng  | 03        |             | 94,631,720,185                    | 18,784,879,663           |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện                             | 04        |             | -                                 | -                        |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư   | 05        |             | (32,562,401,416)                  | (19,968,672,211)         |
| - Chi phí lãi vay   | 06        |             | 1,902,854,249                     | 1,749,759,753            |
| - Các khoản điều chỉnh khác   | 07        |             | -                                 | -                        |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                | 08        |             | 113,775,258,982                   | 43,477,458,425           |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu   | 09        |             | (126,201,967,096)                 | (42,202,658,100)         |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho   | 10        |             | (1,506,364,369)                   | 1,309,040,366            |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả   | 11        |             | 169,042,385,524                   | 123,686,007,216          |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước  | 12        |             | (40,631,298,725)                  | (17,143,052,957)         |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh   | 13        |             | 130,812,347,862                   | (359,054,716,339)        |
| - Tiền lãi vay đã trả   | 14        |             | (1,902,854,249)                   | (1,749,759,753)          |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp   | 15        |             | (9,122,808,343)                   | -                        |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh   | 16        |             | 0                                 | 17,225,298,867           |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh  | 17        |             | 0                                 | (17,225,298,867)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                            | <b>20</b> |             | <b>234,264,699,586</b>            | <b>(251,677,681,142)</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                  |           |             |                                   |                          |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác    | 21        |             | (16,523,998,182)                  | (3,446,881,818)          |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22        |             | -                                 | -                        |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                         | 23        |             | (389,777,250,945)                 | (232,310,801,037)        |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                 | 24        |             | 184,881,267,227                   | 304,395,982,037          |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                                     | 25        | V.9         | 0                                 | -                        |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                                 | 26        |             | 6,881,267,227                     | 124,803,980,595          |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                          | 27        |             | 8,071,694,309                     | 37,482,275,271           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                | <b>30</b> |             | <b>(206,467,020,364)</b>          | <b>230,924,555,048</b>   |

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

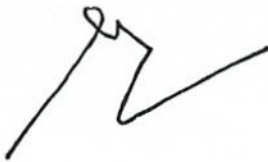
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                        |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|------------------------|
|  |           |             | Năm nay                           | Năm trước              |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |             |                                   |                        |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                                 | -                      |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        | V.20        | -                                 | -                      |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được  | 33        |             | 50,376,892,835                    | 116,780,100,000        |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay   | 34        |             | (908,304,906)                     | (86,779,755,000)       |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính  | 35        |             | -                                 | -                      |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        |             | (31,430,906)                      | (255,492,345)          |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>  | <i>40</i> |             | <i>49,437,157,023</i>             | <i>29,744,852,655</i>  |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>   | <b>50</b> |             | <b>77,234,836,245</b>             | <b>8,991,726,561</b>   |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> | <b>V.1</b>  | <b>122,447,618,654</b>            | <b>99,601,609,760</b>  |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |             | -                                 | -                      |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>   | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <b>199,682,454,899</b>            | <b>108,593,336,321</b> |

Người lập biểu



Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Lập, ngày 28 tháng 04 năm 2019

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

# **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY**

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Bảo hiểm phi nhân thọ.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.
- 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**  
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
- 5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**  
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.
- 6. Nhân viên**  
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019 Tổng Công ty có 2.137 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 2.057 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- 1. Năm tài chính**  
Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**  
Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

---

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Trụ sở chính và 41 đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 3. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tổng Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### ***Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết***

##### ***Công ty con***

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### ***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

##### ***Ghi nhận ban đầu***

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

##### ***Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết***

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

#### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

### **5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### **6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 35            |
| Máy móc và thiết bị             | 5 – 7         |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10            |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 3             |

### **7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

#### ***Phần mềm máy tính***

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Toàn Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

### 8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| Cơ sở hạ tầng               | 50            |

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 10. Chi phí trả trước dài hạn

#### *Chi phí phát triển đại lý*

Chi phí phát triển đại lý được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

#### *Tiền thuê văn phòng*

Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê.

#### *Công cụ dụng cụ*

Công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên phân bổ trong 2 năm, công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị nhỏ hơn 5 triệu đồng phân bổ trong 1 năm.

### 11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### 12. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ và chi phí hoa hồng chưa được phân bổ

Tổng Công ty trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15 tháng 05 năm 2017 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

##### *Dự phòng phí chưa được hưởng*

Dự phòng phí chưa được hưởng đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn 1 năm trở xuống được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại, cụ thể:

- Đối với bảo hiểm hàng hoá, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 25% trên tổng phí giữ lại.
- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 50% trên tổng phí giữ lại.

Dự phòng phí chưa được hưởng đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm được trích lập theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, cụ thể:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \frac{\text{Phí bảo hiểm} \times \text{Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}$$

##### *Chi phí hoa hồng chưa phân bổ*

Chi phí hoa hồng bảo hiểm được xác định theo tỷ lệ quy định trên doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm và được giữ lại trên tài khoản chi phí hoa hồng chưa được phân bổ tương ứng theo tỷ lệ dự phòng phí chưa được hưởng.

##### *Dự phòng bồi thường*

Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu bồi thường chưa giải quyết được Tổng Công ty trích lập theo phương pháp từng hồ sơ trên cơ sở ước tính tổn thất phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Tổng Công ty.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường được trích lập theo công thức sau đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm:

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

|  |   |   |   |   |   |   |   |  |
|--|---|---|---|---|---|---|---|--|
| Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường cho năm tài chính hiện tại | = | Tổng số tiền bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường của 3 năm tài chính trước liên tiếp | x | Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại | x | Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính hiện tại       | x | Thời gian chậm yêu cầu bồi thường bình quân của năm tài chính hiện tại |
|  |   | Tổng số tiền bồi thường phát sinh của 3 năm tài chính trước liên tiếp   |   |   |   | Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính trước |   | Thời gian chậm yêu cầu bồi thường bình quân của năm tài chính trước    |

#### **Dự phòng dao động lớn**

Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí thực giữ lại trong kỳ kế toán. Mức trích lập trong kỳ là 1% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành và công bố bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam bao gồm Chuẩn mực kế toán số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do khoản dự phòng này phản ánh “các yêu cầu bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính”. Tuy nhiên, Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng Chuẩn mực kế toán số 19 và theo quy định tại Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 về việc quy định Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn.

### **13. Nguồn vốn kinh doanh**

#### **Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

#### **Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### **14. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **Quỹ dự trữ bắt buộc**

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm và số dư tối đa bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 07 năm 2016.

#### **Các quỹ khác**

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **15. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### **16. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/03/2019: 23.250 VND/USD  
31/12/2018: 23.245 VND/USD

### **17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí và thu nhập**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### **Hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc**

##### ***Doanh thu phí bảo hiểm gốc***

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15 tháng 05 năm 2017 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Cụ thể như sau:

- (1) Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm hoặc có bằng chứng doanh nghiệp bảo hiểm đã chấp nhận bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm.
- (2) Hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và doanh nghiệp bảo hiểm có thoả thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm.

Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm thoả thuận với bên mua bảo hiểm việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ thì doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán vào thu nhập phần phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải nộp phí theo thoả thuận.

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối của niên độ kế toán được ghi nhận ở chi tiêu "Người mua trả tiền trước" trên Bảng cân đối kế toán.

#### ***Chi bồi thường***

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Tổng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối kỳ được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

#### ***Hoa hồng***

Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ riêng theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 05 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2017 của Chính phủ về Luật kinh doanh bảo hiểm và Thông tư 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2009 của BTC.

#### **Hoạt động nhận tái bảo hiểm**

##### ***Nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định***

Doanh thu và chi phí nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập các báo cáo tài chính, chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thoả thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của nhà nhượng tái bảo hiểm.

##### ***Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời***

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bảng kê thanh toán (đối với từng thoả thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Chi phí bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thoả thuận tái bảo hiểm và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

#### **Hoạt động nhượng tái bảo hiểm**

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thoả thuận bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thoả thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

#### **Hoạt động đầu tư**

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

### *Chi phí hoạt động đầu tư*

Chi phí hoạt động đầu tư bao gồm các chi phí tập hợp trực tiếp phát sinh liên quan đến hoạt động đầu tư và chi phí dùng chung phân bổ.

Chi phí tập hợp trực tiếp bao gồm: chi phí lương bộ phận đầu tư, chi phí quản lý danh mục đầu tư, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, lỗ kinh doanh chứng khoán, chi phí giao dịch chứng khoán, chi phí liên quan đến hoạt động bất động sản.

Chi phí dùng chung phân bổ cho bộ phận đầu tư theo tỷ lệ doanh thu hoạt động tài chính trên tổng doanh thu thực hiện trong kỳ.

## 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|  | <u>Số cuối kỳ</u>             | <u>Số đầu năm</u>             |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt   | 10,981,740,372                | 10,502,923,575                |
| Tiền gửi ngân hàng   | 186,015,244,527               | 83,910,937,079                |
| Tiền đang chuyển   | 2,685,470,000                 | 28,033,758,000                |
| Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống) | -                             | -                             |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>199,682,454,899</u></b> | <b><u>122,447,618,654</u></b> |

### 2. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**2a. Chứng khoán kinh doanh và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

|   | Số cuối kỳ               |                          | Số đầu năm               |                          |
|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
|   | Giá gốc                  | Giá trị ghi sổ           | Giá gốc                  | Giá trị ghi sổ           |
| <b>Chứng khoán kinh doanh</b>   | <b>468,696,320,956</b>   | <b>373,373,626,203</b>   | <b>599,508,668,818</b>   | <b>523,132,748,034</b>   |
| <b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>  | <b>2,982,406,420,525</b> | <b>2,922,005,739,977</b> | <b>2,777,510,436,807</b> | <b>2,741,933,380,610</b> |
| <i>Ngắn hạn</i>   | <i>2,556,570,963,764</i> | <i>2,556,570,963,764</i> | <i>2,240,770,963,764</i> | <i>2,240,770,963,764</i> |
| Tiền gửi có kỳ hạn  | 2,399,736,663,764        | 2,399,736,663,764        | 2,131,736,663,764        | 2,131,736,663,764        |
| Ủy thác đầu tư ngắn hạn   | 6,834,300,000            | 6,834,300,000            | 9,034,300,000            | 9,034,300,000            |
| Đầu tư trái phiếu   | 150,000,000,000          | 150,000,000,000          | 100,000,000,000          | 100,000,000,000          |
| <i>Dài hạn</i>  | <i>425,835,456,761</i>   | <i>365,434,776,213</i>   | <i>536,739,473,043</i>   | <i>501,162,416,846</i>   |
| Tiền gửi có kỳ hạn  | 275,011,666,667          | 275,011,666,667          | 304,011,666,667          | 304,011,666,667          |
| Đầu tư trái phiếu   | 50,000,000,000           | 50,000,000,000           | 100,000,000,000          | 100,000,000,000          |
| Ủy thác quản lý danh mục đầu tư   | 57,913,442,872           | 54,856,762,324           | 57,913,442,872           | 54,856,762,324           |
| Đầu tư dự án kinh doanh bất động sản qua Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện                | 42,910,347,222           | 35,566,347,222           | 42,910,347,222           | 35,566,347,222           |
| Cho vay ủy thác Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long | -                        | -                        | 31,904,016,282           | 6,727,640,633            |
| <b>Cộng</b>   | <b>3,451,102,741,481</b> | <b>3,295,379,366,180</b> | <b>3,377,019,105,625</b> | <b>3,265,066,128,644</b> |



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

|   | Số cuối kỳ             |                       | Số đầu năm             |                       |
|---|------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|
|   | Giá gốc                | Dự phòng              | Giá gốc                | Dự phòng              |
| <b>Đầu tư vào công ty con</b>                               | <b>31,500,000,000</b>  | <b>2,558,702,507</b>  | <b>31,500,000,000</b>  | <b>2,558,702,507</b>  |
| Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam                | 11,700,000,000         | 2,558,702,507         | 11,700,000,000         | 2,558,702,507         |
| Công ty IBS Việt Nam  | 19,800,000,000         | -                     | 19,800,000,000         | -                     |
| <b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>              | <b>122,644,900,000</b> | <b>253,459,453</b>    | <b>122,644,900,000</b> | <b>467,061,841</b>    |
| Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện                       | 88,200,000,000         | 253,459,453           | 88,200,000,000         | 467,061,841           |
| Công ty Bảo hiểm đại chúng Lanexang                         | 20,152,200,000         | -                     | 20,152,200,000         | -                     |
| Công ty Cổ phần Kasati                                      | 14,292,700,000         | -                     | 14,292,700,000         | -                     |
| <b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>                       | <b>148,878,145,458</b> | <b>37,977,217,558</b> | <b>155,759,412,685</b> | <b>48,046,200,333</b> |
| Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Út Xi                     | 15,000,000,000         | 8,880,000,000         | 15,000,000,000         | 8,880,000,000         |
| Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện                            | 2,940,000,000          | -                     | 2,940,000,000          | -                     |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ số liệu Toàn Cầu                    | 17,080,000,000         | -                     | 17,080,000,000         | -                     |
| Công ty Cổ phần Huawei Việt Nam                             | 5,800,000,000          | -                     | 5,800,000,000          | -                     |
| Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Nam                     | 65,000,000             | -                     | 65,000,000             | -                     |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông | 625,000,000            | -                     | 625,000,000            | -                     |
| Ngân hàng TMCP Phương Đông                                  | 49,968,600,000         | -                     | 49,968,600,000         | -                     |
| Các khoản đầu tư khác                                       | 57,399,545,458         | 29,097,217,558        | 64,280,812,685         | 39,166,200,333        |
| <b>Cộng</b>   | <b>303,023,045,458</b> | <b>40,789,379,518</b> | <b>309,904,312,685</b> | <b>51,071,964,681</b> |

**2c. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

|                            | Năm nay               |
|----------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm                 | 86,649,020,878        |
| Trích lập dự phòng bổ sung | -                     |
| Hoàn nhập dự phòng         | (35,458,960,812)      |
| <b>Số cuối kỳ</b>          | <b>51,190,060,066</b> |

**3. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm**

|                              | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| Phải thu về phí bảo hiểm gốc | 333,485,613,806        | 286,910,937,615        |
| Phải thu về tái bảo hiểm     | 242,650,176,655        | 253,221,702,804        |
| <b>Cộng</b>                  | <b>576,135,790,461</b> | <b>540,132,640,419</b> |

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 4. Trả trước cho người bán

|  | <u>Số cuối kỳ</u>             | <u>Số đầu năm</u>             |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc     | 144,386,724,941               | 127,984,686,306               |
| Trả trước khác về hoạt động bảo hiểm gốc | 694,973,613                   | 806,053,382                   |
| Trả trước cho nhà cung cấp khác          | 12,150,269,818                | 4,054,888,947                 |
| <b>Cộng</b>                              | <b><u>157,231,968,372</u></b> | <b><u>132,845,628,635</u></b> |

#### 5. Các khoản phải thu khác

|  | <u>Số cuối kỳ</u>             | <u>Số đầu năm</u>             |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Lãi dự thu hoạt động tài chính   | 154,935,080,135               | 133,497,262,456               |
| Phải thu lại tiền bồi thường đã chuyển cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Khải Thành (do toà án đã có quyết định PTI không phải bồi thường) | 5,614,181,754                 | 5,614,181,754                 |
| Các khoản phải thu khác  | 76,022,789,049                | 39,054,668,291                |
| Tạm ứng  | 49,315,660,643                | 14,693,637,271                |
| Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn   | 4,212,766,262                 | 4,812,714,788                 |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>290,100,477,843</u></b> | <b><u>197,672,464,560</u></b> |

#### 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

|                    | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|--------------------|------------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm         | 58,076,666,808               | 63,881,930,903               |
| Sử dụng dự phòng   | 205,858,142                  | 5,795,761,473                |
| Hoàn nhập dự phòng | (7,442,104,221)              | (11,601,025,568)             |
| <b>Số cuối kỳ</b>  | <b><u>50,840,420,729</u></b> | <b><u>58,076,666,808</u></b> |

#### 7. Hàng tồn kho

|                       | <u>Số cuối kỳ</u>           | <u>Số đầu năm</u>           |
|-----------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 4,332,475,897               | 2,915,033,565               |
| Công cụ, dụng cụ      | 112,373,064                 | 35,626,391                  |
| <b>Cộng</b>           | <b><u>4,457,024,325</u></b> | <b><u>2,950,659,956</u></b> |

#### 8. Chi phí trả trước

##### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

|                                  | <u>Kỳ này</u>                 | <u>Kỳ trước</u>               |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí khác                     | 902,260,664                   | 1,036,830,325                 |
| Chi phí hoa hồng chờ phân bổ (*) | 275,658,904,316               | 195,950,885,046               |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>276,561,164,980</u></b> | <b><u>196,987,715,371</u></b> |

(\*) Biến động tăng, giảm chi phí hoa hồng chờ phân bổ trong kỳ như sau:

|                                    | <u>Kỳ này</u>                 | <u>Kỳ trước</u>               |
|------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Số dư đầu năm                      | 233,777,609,509               | 176,030,723,016               |
| Số phát sinh trong kỳ              | 120,084,331,689               | 81,727,079,719                |
| Số đã phân bổ vào chi phí trong kỳ | (78,203,036,882)              | (61,806,917,689)              |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>               | <b><u>275,658,904,316</u></b> | <b><u>195,950,885,046</u></b> |

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****8b. Chi phí trả trước dài hạn**

|                           | <u>Số cuối kỳ</u>            | <u>Số đầu năm</u>            |
|---------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Công cụ dụng cụ           | 5,456,051,056                | 6,881,136,004                |
| Chi phí thuê nhà          | 4,169,197,293                | 4,208,801,190                |
| Chi phí phát triển đại lý | 494,842,460                  | 632,444,803                  |
| Các khoản chi phí khác    | 22,815,019,100               | 23,323,611,672               |
| <b>Cộng</b>               | <b><u>32,935,109,909</u></b> | <b><u>35,045,993,669</u></b> |

**9. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước**

|                                | <u>Số cuối kỳ</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|--------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Thuế GTGT nộp thừa             | 166,546,271                 | 161,883,886                  |
| Thuế TNDN nộp thừa             | 1,034,378,020               | 10,157,186,363               |
| Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa | 2,784,960,762               | 1,106,410,496                |
| Thuế khác                      | 125,344,829                 | 72,453,967                   |
| <b>Cộng</b>                    | <b><u>4,111,229,882</u></b> | <b><u>11,497,934,712</u></b> |

**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

|                        | <u>Nhà cửa, vật<br/>kiến trúc</u> | <u>Máy móc và<br/>thiết bị</u> | <u>Phương tiện vận<br/>tải</u> | <u>Thiết bị, dụng<br/>cụ quản lý</u> | <u>Cộng</u>                   |
|------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>      |                                   |                                |                                |                                      |                               |
| Số đầu năm             | 15,536,736,730                    | 170,730,000                    | 104,626,411,452                | 29,002,411,016                       | 149,336,289,198               |
| Mua sắm mới            | -                                 | 66,540,000                     | 2,262,000,000                  | 3,279,868,182                        | 5,608,408,182                 |
| Thanh lý, nhượng bán   | -                                 | -                              | -                              | (39,900,000)                         | (39,900,000)                  |
| <b>Số cuối kỳ</b>      | <b><u>15,536,736,730</u></b>      | <b><u>237,270,000</u></b>      | <b><u>106,888,411,452</u></b>  | <b><u>32,242,379,198</u></b>         | <b><u>154,904,797,380</u></b> |
| <b>Giá trị hao mòn</b> |                                   |                                |                                |                                      |                               |
| Số đầu năm             | 2,879,402,592                     | 91,462,580                     | 55,188,660,019                 | 19,976,507,284                       | 78,136,032,475                |
| Khấu hao trong kỳ      | 133,583,276                       | 6,005,606                      | 1,877,184,446                  | 926,325,233                          | 2,943,098,561                 |
| Thanh lý, nhượng bán   | -                                 | -                              | -                              | (39,900,000)                         | (39,900,000)                  |
| <b>Số cuối kỳ</b>      | <b><u>3,012,985,868</u></b>       | <b><u>97,468,186</u></b>       | <b><u>57,065,844,465</u></b>   | <b><u>20,862,932,517</u></b>         | <b><u>81,039,231,036</u></b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b> |                                   |                                |                                |                                      |                               |
| Số đầu năm             | 12,657,334,138                    | 79,267,420                     | 49,437,751,433                 | 9,025,903,732                        | 71,200,256,723                |
| <b>Số cuối kỳ</b>      | <b><u>12,523,750,862</u></b>      | <b><u>139,801,814</u></b>      | <b><u>49,822,566,987</u></b>   | <b><u>11,379,446,681</u></b>         | <b><u>73,865,566,344</u></b>  |

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

|                        | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Phần mềm máy vi tính</u> | <u>Cộng</u>           |
|------------------------|--------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>      |                          |                             |                       |
| Số đầu năm             | 5,096,806,800            | 11,418,285,686              | 16,515,092,486        |
| Mua trong kỳ           | -                        | -                           | -                     |
| <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>5,096,806,800</b>     | <b>11,418,285,686</b>       | <b>16,515,092,486</b> |
| <b>Giá trị hao mòn</b> |                          |                             |                       |
| Số đầu năm             | -                        | 7,942,557,374               | 7,942,557,374         |
| Khấu hao trong kỳ      | -                        | 532,365,706                 | 532,365,706           |
| <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>-</b>                 | <b>8,474,923,080</b>        | <b>8,474,923,080</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b> |                          |                             |                       |
| Số đầu năm             | 5,096,806,800            | 3,475,728,312               | 8,572,535,112         |
| <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>5,096,806,800</b>     | <b>2,943,362,606</b>        | <b>8,040,169,406</b>  |

**12. Bất động sản đầu tư**

|                        | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> | <u>Cộng</u>            |
|------------------------|--------------------------|-------------------------------|------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>      |                          |                               |                        |
| Số đầu năm             | 6,994,763,527            | 115,647,365,175               | 122,642,128,702        |
| Mua trong kỳ           | -                        | -                             | -                      |
| Thanh lý, nhượng bán   | -                        | -                             | -                      |
| <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>6,994,763,527</b>     | <b>115,647,365,175</b>        | <b>122,642,128,702</b> |
| <b>Giá trị hao mòn</b> |                          |                               |                        |
| Số đầu năm             | -                        | 8,147,725,173                 | 8,147,725,173          |
| Khấu hao trong kỳ      | -                        | 753,479,980                   | 753,479,980            |
| Thanh lý, nhượng bán   | -                        | -                             | -                      |
| <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>-</b>                 | <b>8,901,205,153</b>          | <b>8,901,205,153</b>   |
| <b>Giá trị còn lại</b> |                          |                               |                        |
| Số đầu năm             | 6,994,763,527            | 107,499,640,002               | 114,494,403,529        |
| <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>6,994,763,527</b>     | <b>106,746,160,022</b>        | <b>113,740,923,549</b> |

**13. Chi phí xây dựng cơ bản**

|              | <u>Số đầu năm</u>    | <u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u> | <u>Kết chuyển tăng tài sản trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u>     |
|--------------|----------------------|-----------------------------------|---|-----------------------|
| Mua sắm TSCĐ | 8,327,322,000        | 10,955,490,000                    | -                                       | 19,282,812,000        |
| <b>Cộng</b>  | <b>8,327,322,000</b> | <b>10,955,490,000</b>             | <b>-</b>                                | <b>19,282,812,000</b> |

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****14. Phải trả người bán ngắn hạn**

|                                    | <u>Số cuối kỳ</u>             | <u>Số đầu năm</u>             |
|------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc | 122,989,274,941               | 129,967,457,348               |
| Phải trả về hoạt động tái bảo hiểm | 487,641,792,930               | 355,579,546,491               |
| Phải trả nhà đồng bảo hiểm         | 4,458,053,580                 | 9,808,365,974                 |
| Phải trả cho nhà cung cấp khác     | 3,814,896,422                 | 6,996,433,155                 |
| <b>Cộng</b>                        | <b><u>618,904,017,873</u></b> | <b><u>502,351,802,968</u></b> |

**15. Người mua trả tiền trước**

Là khoản người mua trả trước liên quan đến hoạt động bảo hiểm gốc.

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                            | <u>Số cuối kỳ</u>            | <u>Số đầu năm</u>            |
|----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 23,899,047,103               | 19,105,140,881               |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | -                            | -                            |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 4,190,522,993                | 8,912,570,930                |
| Các loại thuế khác         | 170,436,693                  | 291,680,259                  |
| <b>Cộng</b>                | <b><u>28,260,006,789</u></b> | <b><u>28,309,392,070</u></b> |

**Thuế giá trị gia tăng**

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

|  | <u>Kỳ này</u>               | <u>Kỳ trước</u>             |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  | 45,614,041,717              | 38,738,759,614              |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | -                           | -                           |
| <i>Chi phí không được trừ</i>  | -                           | -                           |
| <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>   | -                           | -                           |
| Thu nhập chịu thuế   | 45,614,041,717              | 38,738,759,614              |
| Thu nhập được miễn thuế  | -                           | -                           |
| Thu nhập tính thuế   | 45,614,041,717              | 38,738,759,614              |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp   | 20%                         | 20%                         |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>                                      | <b>9,122,808,343</b>        | <b>7,747,751,923</b>        |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>   | <b>9,122,808,343</b>        | <b>7,747,751,923</b>        |
| <b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>                                  | <b>-</b>                    | <b>-</b>                    |
| <b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>  | <b><u>9,122,808,343</u></b> | <b><u>7,747,751,923</u></b> |

**Các loại thuế khác**

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

|   | <u>Số cuối kỳ</u>             | <u>Số đầu năm</u>             |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp                      | 1,503,592,968                 | 672,133,724                   |
| Kinh phí công đoàn                                      | 3,510,002,816                 | 3,131,107,988                 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn                           | 1,235,632,008                 | 849,108,340                   |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả                              | 10,615,808,426                | 10,647,239,332                |
| Thuế nhà thầu tạm giữ                                   | 2,490,945,680                 | 2,490,945,680                 |
| Các khoản đóng góp quỹ bảo hiểm                         | 14,471,009,447                | 16,471,009,447                |
| Thu phí của VNPost chưa đối chiếu                       | 17,863,832,677                | 14,531,744,438                |
| Thu phí Toyota chưa đối chiếu                           | 8,240,497,525                 | 3,107,158,002                 |
| Ứng trước tiền bán chứng khoán cuối năm                 | -                             | 21,634,875,493                |
| Thu phí bảo hiểm qua Ngân hàng Liên Việt chưa đối chiếu | 5,821,291,677                 | -                             |
| Các khoản khác  | 44,937,415,315                | 28,110,510,622                |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>110,690,028,539</u></b> | <b><u>101,645,833,066</u></b> |

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội  
**BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**18. Dự phòng nghiệp vụ**

|  | Năm nay  |                                    |  | Năm trước                          |  |
|--|--|------------------------------------|--|------------------------------------|--|
|  | Dự phòng bảo<br>hiểm gốc và nhận<br>tái bảo hiểm | Dự phòng nhượng<br>tái<br>bảo hiểm | Dự phòng BH gốc<br>và nhận tái BH<br>thuần | Dự phòng<br>nhượng tái<br>bảo hiểm | Dự phòng BH<br>gốc và nhận tái<br>BH thuần |
|  | (1)  | (2)                                | (3) = (1) - (2)                            | (4)                                | (5)  |
| <b>1. Dự phòng bồi thường</b>                                  | <b>929,185,748,126</b>                           | <b>383,461,784,731</b>             | <b>545,723,963,395</b>                     | <b>781,601,634,668</b>             | <b>425,802,721,727</b>                     |
| Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi<br>thường chưa giải quyết     | 892,462,641,461                                  | 374,853,514,236                    | 517,609,127,225                            | 773,895,006,667                    | 418,096,093,726                            |
| Dự phòng cho các tổn thất đã phát<br>sinh nhưng chưa thông báo | 36,723,106,665                                   | 8,608,270,495                      | 28,114,836,170                             | 7,706,628,001                      | 7,706,628,001                              |
| <b>2. Dự phòng phí chưa được hưởng</b>                         | <b>2,464,639,254,994</b>                         | <b>938,554,042,081</b>             | <b>1,526,085,212,913</b>                   | <b>1,790,941,050,487</b>           | <b>1,169,729,137,849</b>                   |
| <b>Cộng</b>  | <b>3,393,825,003,120</b>                         | <b>1,322,015,826,812</b>           | <b>2,071,809,176,308</b>                   | <b>2,572,542,685,155</b>           | <b>1,595,531,859,576</b>                   |
| <b>Trong đó chi tiết:</b>                                      |  |                                    |  |                                    |  |
| <b>Dự phòng bồi thường</b>                                     |  |                                    |  |                                    |  |
| Số dư đầu năm  | 896,915,750,913                                  | 347,425,959,496                    | 549,489,791,417                            | 797,519,969,351                    | 502,386,883,491                            |
| Số trích lập trong kỳ  | 32,269,997,213                                   | 36,035,825,235                     | (3,765,828,022)                            | (15,918,334,683)                   | (76,584,161,764)                           |
| Số dư cuối kỳ  | <b>929,185,748,126</b>                           | <b>383,461,784,731</b>             | <b>545,723,963,395</b>                     | <b>781,601,634,668</b>             | <b>425,802,721,727</b>                     |
| <b>Dự phòng phí chưa được hưởng</b>                            |  |                                    |  |                                    |  |
| Số dư đầu năm  | 2,144,592,205,609                                | 732,477,619,828                    | 1,412,114,585,781                          | 1,647,879,368,341                  | 1,121,896,349,736                          |
| Số trích lập trong kỳ  | 320,047,049,385                                  | 206,076,422,253                    | 113,970,627,132                            | 143,061,682,146                    | 47,832,788,113                             |
| Số dư cuối kỳ  | <b>2,464,639,254,994</b>                         | <b>938,554,042,081</b>             | <b>1,526,085,212,913</b>                   | <b>1,790,941,050,487</b>           | <b>1,169,729,137,849</b>                   |

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

#### **18b. Dự phòng giao động lớn**

|                            | <u>Số kỳ này</u>              | <u>Số năm trước</u>          |
|----------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| Số dư đầu năm              | 98,160,886,772                | 69,448,040,587               |
| Số trích lập thêm trong kỳ | 8,175,353,997                 | 28,712,846,185               |
| Số sử dụng trong kỳ        | -                             | -                            |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>       | <b><u>106,336,240,769</u></b> | <b><u>98,160,886,772</u></b> |

#### **19. Phải trả dài hạn khác**

Là khoản nhận ký quỹ ký cược dài hạn.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

**20. Vốn chủ sở hữu**

|                                  | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần   | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự trữ bất buộc   | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng                     |
|----------------------------------|---------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| Số dư đầu năm trước              | 803,957,090,000           | 827,943,052,804        | 20,745,386,903        | 48,967,380,576        | 186,007,493,678                   | 1,887,620,403,961        |
| Lợi nhuận năm trước              | -                         | -                      | -                     | -                     | 18,347,659,535                    | 18,347,659,535           |
| Trích lập các quỹ năm trước      | -                         | -                      | 1,485,327,359         | 917,382,977           | (2,402,710,336)                   | -                        |
| Chia cổ tức                      | -                         | -                      | -                     | -                     | (96,474,850,800)                  | (96,474,850,800)         |
| Trích quỹ khen thưởng khách hàng | -                         | -                      | -                     | -                     | (1,485,327,359)                   | (1,485,327,359)          |
| Chi thù lao và thưởng HĐQT       | -                         | -                      | -                     | -                     | (1,485,327,359)                   | (1,485,327,359)          |
| Trích thưởng Ban lãnh đạo        | -                         | -                      | -                     | -                     | (2,227,991,043)                   | (2,227,991,043)          |
| <b>Số dư cuối năm trước</b>      | <b>803,957,090,000</b>    | <b>827,943,052,804</b> | <b>22,230,714,262</b> | <b>49,884,763,553</b> | <b>100,278,946,316</b>            | <b>1,804,294,566,935</b> |
| Số dư đầu năm nay                | 803,957,090,000           | 827,943,052,804        | 22,230,714,262        | 49,884,763,553        | 100,278,946,316                   | 1,804,294,566,935        |
| Lợi nhuận trong kỳ               | -                         | -                      | -                     | -                     | 36,491,012,375                    | 36,491,012,375           |
| Trích lập các quỹ trong kỳ       | -                         | -                      | -                     | -                     | -                                 | -                        |
| Chia cổ tức kỳ này               | -                         | -                      | -                     | -                     | -                                 | -                        |
| Thù lao và thưởng HĐQT, BKS      | -                         | -                      | -                     | -                     | -                                 | -                        |
| <b>Số dư cuối kỳ này</b>         | <b>803,957,090,000</b>    | <b>827,943,052,804</b> | <b>22,230,714,262</b> | <b>49,884,763,553</b> | <b>136,769,958,691</b>            | <b>1,840,785,579,310</b> |

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

|                         | Số cuối kỳ               | Số đầu năm               |
|-------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Vốn đầu tư của Nhà nước | 182,256,480,000          | 182,256,480,000          |
| Vốn góp của các cổ đông | 621,700,610,000          | 621,700,610,000          |
| Thặng dư vốn cổ phần    | 827,943,052,804          | 827,943,052,804          |
| <b>Cộng</b>             | <b>1,631,900,142,804</b> | <b>1,631,900,142,804</b> |

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| <i>Cổ phiếu</i>                           | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành       | 80,400,000        | 80,400,000        |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành  | 80,395,709        | 80,395,709        |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại  | -                 | -                 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | <u>80,395,709</u> | <u>80,395,709</u> |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

### 1. Doanh thu phí bảo hiểm

|  | <u>Kỳ này</u>                   | <u>Kỳ trước</u>               |
|--|---------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu bảo hiểm gốc                                     | 1,336,370,312,354               | 945,437,818,121               |
| Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc                        | (15,059,584,095)                | (9,457,040,818)               |
| Phí nhận tái bảo hiểm                                      | 15,131,507,431                  | 23,851,667,985                |
| Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm                   | (763,500,718)                   | (20,505,971)                  |
| Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm | <u>(320,047,149,385)</u>        | <u>(47,832,788,113)</u>       |
| <b>Doanh thu thuần</b>                                     | <b><u>1,015,631,585,587</u></b> | <b><u>911,979,151,204</u></b> |

### 2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

Là doanh thu cho thuê sàn thương mại tại Cao ốc căn hộ Thủy Lợi 4

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

|                                    | <u>Kỳ này</u>                | <u>Kỳ trước</u>              |
|------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn             | 25,284,852,988               | 19,968,672,211               |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn          | 33,951,338                   | 114,627,116                  |
| Lãi kinh doanh chứng khoán         | 15,821,254,414               | 69,782,706,803               |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia        | 4,224,659,000                | -                            |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 302,832,475                  | 324,851,413                  |
| Lãi đầu tư dài hạn                 | 3,052,889,428                | -                            |
| Các khoản khác                     | 605,378                      | 514,480                      |
| <b>Cộng</b>                        | <b><u>48,721,045,022</u></b> | <b><u>90,191,372,023</u></b> |

### 4. Giá vốn bất động sản đầu tư

Là giá vốn cho thuê sàn thương mại tại Cao ốc căn hộ Thủy Lợi 4

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 5. Chi phí tài chính

|  | <u>Kỳ này</u>                | <u>Kỳ trước</u>              |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí lãi vay                                      | 1,902,854,249                | 1,749,759,753                |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện                    | 496,119,439                  | 430,211,165                  |
| Lỗ kinh doanh chứng khoán                            | 15,818,658,803               | 7,619,834,667                |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn | 11,978,031,112               | 35,616,419,132               |
| Chi phí khác   | 1,046,458,619                | 9,191,955,717                |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>31,242,122,222</u></b> | <b><u>54,608,180,434</u></b> |

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

|                                  | <u>Kỳ này</u>                 | <u>Kỳ trước</u>               |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 146,221,311,267               | 116,355,973,918               |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 3,400,244,486                 | 3,715,039,313                 |
| Chi phí dụng cụ quản lý          | 3,194,913,999                 | 3,212,948,926                 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3,365,742,119                 | 3,428,758,339                 |
| Thuế, phí và lệ phí              | 3,575,099,362                 | 4,005,298,653                 |
| Chi phí dự phòng                 | 205,858,045                   | 5,795,761,473                 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 19,459,593,066                | 17,785,948,918                |
| Chi phí khác bằng tiền           | 42,555,897,335                | 27,458,796,734                |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>221,978,659,678</u></b> | <b><u>181,758,526,274</u></b> |

### 7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu”, Tổng Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng mà trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 28 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu